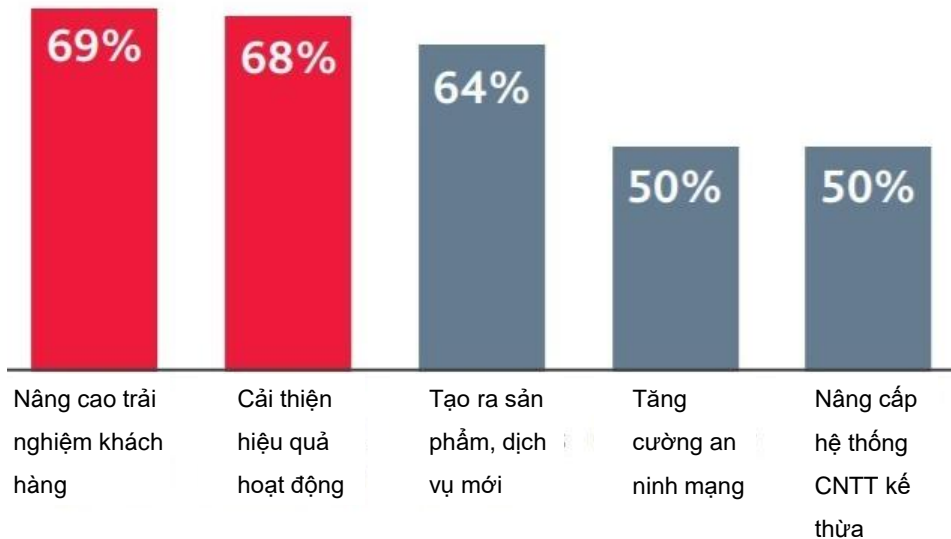


# Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

## Các ưu tiên của doanh nghiệp khi chuyển đổi số

Theo khảo sát của BDO năm 2019 với hơn 300 lãnh đạo cấp Giám đốc (C-Level) cho thị trường các doanh nghiệp cỡ vừa trong các lĩnh vực bán lẻ, tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, tài chính, y tế và dược phẩm năm 2019 cho biết có tới hơn 60% lãnh đạo cấp cao nói rằng mục tiêu từ 18 tháng tới 5 năm của họ khi thực hiện chuyển đổi số là nhằm “nâng cao trải nghiệm khách hàng”, “cải thiện hiệu quả hoạt động” và “tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới”.



*Ưu tiên của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số (BDO 2019)*

## **2. Hạ tầng, nền tảng phát triển nền kinh tế số của Việt Nam và một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á**

Nghiên cứu về nền kinh tế số các nước Đông Nam Á của Ngân hàng Thế giới (2019) đã đánh giá những tiến bộ các nước trong khu vực đạt được trong việc xây dựng nền tảng và các yếu tố thúc đẩy nền kinh tế số. Các yếu tố bao gồm: Mức độ kết nối, Phương thức thanh toán, Logistics, Kỹ năng, Chính sách và quy định hiện hành cần thiết cho một nền kinh tế số phát triển (bảng trang 10). Dựa vào các chỉ báo kỹ thuật số, chính phủ các nước có thể nhận biết được hiện trạng phát triển nền kinh tế số nhằm đưa ra các kế hoạch hành động, chính sách, quy định cụ thể thúc đẩy nền kinh tế số của mình bắt kịp với các nước trong khu vực.

Cụ thể, đối với chỉ số Mức độ kết nối, hơn một nửa dân số khu vực Đông Nam Á có quyền truy cập vào internet trực tuyến thông qua băng thông rộng di động và sự phát triển của điện thoại. Mặc dù vậy, vẫn tồn tại các điểm yếu như kết nối tới các cơ sở

# Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

dữ liệu cho băng thông rộng cố định còn đang hạn chế, tụt hậu, cũng như chất lượng và khả năng chi trả của người sử dụng còn hạn chế.

Phương thức thanh toán được coi như một yếu tố thúc đẩy nền kinh tế số cũng như là một trong các lĩnh vực chuyển đổi số đang mang lại sự thay đổi nhanh chóng hơn cả. Không khó để nhận ra rằng việc áp dụng thanh toán kỹ thuật số ở khu vực Đông Nam Á đang bị tụt hậu so với các khu vực khác trên thế giới. Để có thể cải thiện yếu tố này, chính phủ các nước có thể xem xét (1) tăng cường bảo vệ người tiêu dùng để xây dựng niềm tin vào thanh toán kỹ thuật số, (2) tăng cường phối hợp giữa các ngành trong hoạch định chính sách và quy định tiêu chuẩn, (3) tạo điều kiện cho việc áp dụng thanh toán kỹ thuật số thông qua ID, v.v.

Tương tự yếu tố trên, Logistics cũng là một yếu tố cần phải được chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế số rộng lớn hơn. Đối với thương mại điện tử, chi phí logistics là một thách thức của nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, chưa kể tới các chính sách và quy định hạn chế trong logistics. Chính phủ các nước cần phải tháo gỡ các vấn đề pháp lý trong toàn bộ chuỗi cung ứng thương mại điện tử, trong đó bao gồm áp dụng các phương pháp dựa trên rủi ro để quản lý hàng hóa hải quan thay vì kiểm tra toàn bộ các lô hàng, kể cả các bưu kiện nhỏ, dẫn đến gia tăng chi phí không cần thiết.

Với sự phổ biến của công nghệ số, chuyển đổi số trong mô hình kinh doanh và mô hình quản trị đòi hỏi chính phủ các nước xem xét lại phương pháp tiếp cận truyền thống đối với việc dạy và học. Nhu cầu thay đổi nhanh chóng tại nơi làm việc yêu cầu nguồn nhân lực linh hoạt và có khả năng thích ứng, đặc biệt là các kỹ năng số. Cần phải hiểu việc xây dựng và kết hợp kỹ năng phù hợp với nền kinh tế số là một thách thức lâu dài không chỉ với các nước trong khu vực, do vậy, chính phủ và các doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị các kỹ năng số cần thiết cho người dân và nhân viên của mình.

Các bộ luật và quy định về giao dịch điện tử đã được ban hành trên khắp khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên, các chính sách và quy định về dữ liệu phần lớn vẫn chưa thực sự phát triển tại khu vực này, dẫn đến tiềm ẩn rủi ro đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế số. Để có thể thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế số, chính phủ các nước cần chú trọng xây dựng các chính sách và quy định về giao dịch điện tử, dữ liệu xuyên biên giới, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và người tiêu dùng, v.v.

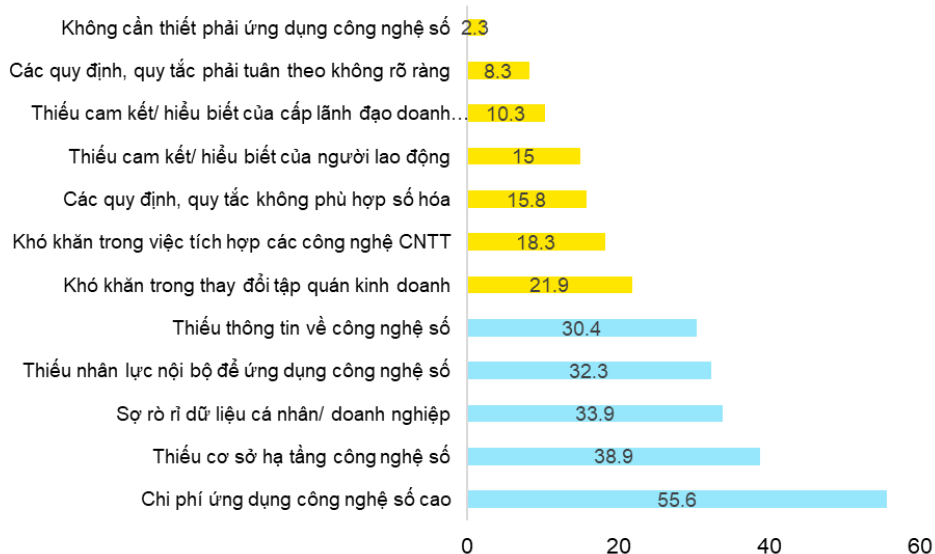
# Phần I. Chuyển đổi số trên thế giới và tại Việt Nam

	Mức độ kết nối			Phương thức thanh toán			Logistics		Kỹ năng	Chính sách và quy định			
	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động trên tổng dân số	Tỷ lệ giá thuê bao băng rộng di động trên bình quân GNI	Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định trên tổng dân số	Tỷ lệ giao dịch kỹ thuật số năm vừa qua	Tỷ lệ thanh toán online khi mua sắm trên internet	Tỷ lệ các DN trực tuyến sử dụng thanh toán kỹ thuật số	Điểm chỉ số hiệu suất logistic (trên thang điểm 5)	Chỉ số tích hợp phát triển bưu chính viễn thông	Chỉ số phát triển nguồn nhân lực	Hạn chế lưu thông dữ liệu qua biên giới	Luật bảo mật dữ liệu	Luật bảo vệ người tiêu dùng	Chi phí an ninh mạng (% GDP)
Indonesia	100%	1.4%	3.1%	34%	49%	51%	2.98	49.4	69	Có	Có	Có	0.02%
<b>Việt Nam</b>	<b>82%</b>	1.4%	<b>12% (*)</b>	<b>22%</b>	<b>10% (**)</b>	<b>51%</b>	<b>3.27 (*)</b>	<b>50.47 (**)</b>	<b>38 (**)</b>	<b>Có</b>	<b>Có (**)</b>	<b>Có</b>	<b>0.04%</b>
Thái Lan	170%	1.2%	11%	62%	-	-	3.26	66.1	57	Không	Có	Có	0.05%
Malaysia	116%	0.9%	8%	76%	52%	57%	3.43	66.0	52	Có	Có	Có	0.08%
Campuchia	67%	1.1%	1.5%	16%	-	-	2.8	19.7	97	Không	Không	Có	-
Lào	51%	-	1%	12%	-	-	2.07	41.4	105	Không	Không	Dự thảo	-
Philippines	40%	1.5%	3%	23%	-	52%	2.86	33.9	46	Không	Có	Có	0.04%

*Các chỉ báo kinh tế kỹ thuật số chính của một số nước Đông Nam Á (nguồn ITU Measuring the Information Society 2017; GSMA 2018; Telegeography, June 2018, World Bank 2017, Global Findex; A. T. Kearney 2015; World Bank 2016, Digital Adoption Index; UPU 2016; WEF 2017; World Bank, OECD and Facebook 2018) (\* Chỉ số cập nhật năm 2018; \*\* Chỉ số cập nhật năm 2020)*

## 3. Thực trạng chuyển đổi số tại Việt Nam

### Rào cản trong hoạt động chuyển đổi số đối với doanh nghiệp Việt Nam



*Rào cản chính trong chuyển đổi số đối với doanh nghiệp (nguồn VCCI 2020)*